

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC DỰA TRÊN CHỈ SỐ NGUỒN THU TÀI CHÍNH

PGS.TS. NGUYỄN CÔNG GIÁP
Học viện Quản lý Giáo dục

1. Tổng nguồn thu tài chính

Tài chính, hay nói cách khác là ngân sách của một trường đại học, là điều kiện tiên quyết cho việc tổ chức các hoạt động của nhà trường. Tổng ngân sách nhà trường hình thành từ các nguồn thu không phải tự nhiên mà có, mà đó là kết quả hoạt động của nhà trường trong việc khai thác năng lực của nhà trường trên các mặt các chương trình đào tạo, đội ngũ cán bộ, giáo viên, cơ sở vật chất và các mối quan hệ. Đây là chỉ tiêu hiệu quả kinh tế tổng quát phản ánh năng lực lãnh đạo nhà trường.

Tuy nhiên, nếu chỉ tiêu này chỉ thể hiện số liệu của một năm thì dựa vào đó không thể đánh giá được hiệu quả kinh tế hoạt động của nhà trường. Do vậy, để đánh giá được chúng ta phải xem xét chỉ tiêu này dưới hai góc độ:

Xét chỉ tiêu này dưới góc độ so sánh theo thời gian (so sánh động): Việc so sánh tổng nguồn thu của nhà trường theo thời gian sẽ cho thấy hiệu quả hoạt động của từng năm. Có thể so sánh thông qua (1) giá trị tuyệt đối của nguồn thu và (2) tốc độ tăng nguồn thu. Có thể diễn giải cách so sánh này như sau: Giả sử năm n_1 , nhà trường thu được A_1 đồng, năm n_2 thu được A_2 đồng thì 3 trường hợp có thể xảy ra:

$A_2 > A_1$: Trường hợp này có nghĩa là nguồn thu của nhà trường năm sau cao hơn năm trước. Thông tin này cho ta nhận định tổng ngân sách nhà trường đã có xu hướng tăng và hiệu quả hoạt động của nhà trường có tăng lên. Tốc độ tăng nguồn thu được xác định như sau:

$$(A_2 - A_1)/A_1 > 0$$

$A_2 = A_1$: Trường hợp này có nghĩa nguồn thu của nhà trường năm sau so với năm trước không có gì thay đổi, và như thế nói về mặt tài chính thì hoạt động của nhà trường chưa có tiến bộ nào. Tốc độ tăng nguồn thu được xác định như sau:

$$(A_2 - A_1)/A_1 = 0$$

$A_2 < A_1$: Trường hợp này có nghĩa nguồn thu của nhà trường đã sụt giảm. Tốc độ tăng nguồn thu được xác định như sau:

$$(A_2 - A_1)/A_1 < 0$$

Với 3 trường hợp trên cần lưu ý rằng sự gia tăng quy mô nguồn thu cũng có thể do lạm phát, đồng tiền

mất giá. Vì vậy, khi phân tích nguồn thu theo thời gian tốt nhất là quy đổi nguồn thu về giá cố định.

Xét chỉ tiêu này dưới góc độ so sánh với các trường khác trong một năm (so sánh tĩnh): Đánh giá hiệu quả kinh tế hoạt động của một trường không chỉ phân tích theo trạng thái động thời gian, mà chúng ta còn có thể đánh giá dựa trên việc so sánh trường này với trường khác. Nói cách khác, để biết mình như thế nào chúng ta không chỉ nhìn trước nhìn sau mà còn phải nhìn sang hai bên. Khi so sánh với các trường khác, điều quan trọng là phải nhận biết các đặc điểm, bối cảnh của trường đó có tương đồng với trường mình không. Tốt nhất là chúng ta chọn các trường cùng khối, cùng quy mô để so sánh.

2. Nguồn thu từ ngân sách nhà nước

Đây là nguồn thu do cấp trên phân bổ cho nhà trường, dựa trên những tiêu chuẩn và quy trình đã được nhà nước quy định. Tuy nhiên, thực tế ở Việt Nam cho thấy nguồn thu từ kênh này không chỉ thuần túy là theo các tiêu chuẩn và quy trình đã ban hành, mà trong nhiều trường hợp là do kết quả vận động hành lang của cán bộ lãnh đạo, quản lý trong nhà trường với những người có quyền phân bổ kinh phí ở cấp trên.

3. Nguồn thu từ học phí, lệ phí

Cho đến nay, phần lớn các trường đại học hoạt động được chủ yếu vẫn dựa vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, xu hướng phát triển giáo dục đại học cho thấy, nguồn thu từ học phí, lệ phí ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tổng nguồn thu của nhà trường. Nguồn thu này phụ thuộc vào số lượng sinh viên, học viên hàng năm của trường. Số lượng sinh viên, học viên của nhà trường không chỉ phụ thuộc vào nhu cầu của nền kinh tế quốc dân về loại nhân lực mà nhà trường đào tạo, mà còn phụ thuộc rất nhiều vào thương hiệu của nhà trường, vào năng lực quảng bá, vào uy tín của nhà trường thông qua chất lượng đào tạo, đội ngũ GV, cơ sở vật chất, bộ máy quản lý... Do vậy, quy mô nguồn thu học phí, lệ phí cũng phản ánh hiệu quả hoạt động của nhà trường.

Khi đánh giá hiệu quả hoạt động của trường đại học thông qua chỉ tiêu quy mô nguồn thu học phí, lệ phí chúng ta cũng phải phân tích dưới hai góc độ động và tĩnh. Nếu theo góc độ động thì phân tích chỉ tiêu quy mô nguồn thu học phí, lệ phí biến đổi theo thời gian cả về quy mô tuyệt đối, cả về tốc độ tăng hàng năm. Nếu theo góc độ tĩnh thì phân tích chỉ tiêu quy mô nguồn thu học phí, lệ phí bằng cách so sánh quy mô nguồn thu học phí, lệ phí trong một năm giữa trường được phân tích với các trường khác trong cùng khối.

Có thể diễn giải cách phân tích này như sau: Giả sử năm n_1 nhà trường thu được H_1 đồng học phí, lệ phí, năm n_2 thu được H_2 đồng học phí, lệ phí. Có 3 trường hợp có thể xảy ra:

$H_2 > H_1$: Trường hợp này có nghĩa là nguồn thu học phí, lệ phí của nhà trường năm sau cao hơn năm trước. Thông tin này cho ta nhận định quy mô nguồn thu học phí, lệ phí của nhà trường đã có xu hướng tăng. Tốc độ tăng nguồn thu học phí, lệ phí được xác định như sau:

$$(H_2 - H_1)/H_1 > 0$$

$H_2 = H_1$: Trường hợp này có nghĩa nguồn thu học phí, lệ phí của nhà trường năm sau so với năm trước không có gì thay đổi, và như thế nói về mặt tài chính thì hoạt động đào tạo của nhà trường chưa có tiến bộ nào. Tốc độ tăng nguồn thu học phí, lệ phí được xác định như sau:

$$(H_2 - H_1)/H_1 = 0$$

$H_2 < H_1$: Trường hợp này có nghĩa nguồn thu học phí, lệ phí của nhà trường đã sụt giảm. Tốc độ tăng nguồn thu học phí, lệ phí được xác định như sau:

$$(H_2 - H_1)/H_1 < 0$$

4. Nguồn thu từ nghiên cứu khoa học (NCKH), dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ

Một trong những chức năng quan trọng của trường đại học hiện nay là NCKH và chuyển giao công nghệ. Bên cạnh việc góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học, dịch vụ tư vấn và chuyển giao công nghệ còn là một trong những nguồn thu đáng kể của nhà trường.

Trước hết để biết hiệu quả kinh tế của hoạt động NCKH của nhà trường chúng ta cần xem tỉ lệ đóng góp của hoạt động này trong tổng nguồn thu của nhà trường. Tỉ lệ này vừa xem xét theo thời gian vừa so sánh với các trường khác.

Cách tiếp cận phân tích nguồn thu từ hoạt động NCKH, dịch vụ tư vấn và chuyển giao công nghệ cũng tương tự như cách tiếp cận phân tích tổng nguồn thu của nhà trường đã trình bày ở trên.

Có thể diễn giải cách phân tích này như sau: Giả sử năm n_1 nhà trường thu được K_1 đồng từ hoạt động NCKH, dịch vụ tư vấn và chuyển giao công nghệ, năm n_2 thu được K_2 đồng. Có 3 trường hợp có thể xảy ra:

$K_2 > K_1$: Trường hợp này có nghĩa là nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, dịch vụ tư vấn và chuyển giao công nghệ của nhà trường năm sau cao hơn năm trước. Thông tin này cho ta nhận định quy mô nguồn thu từ hoạt động NCKH, dịch vụ tư vấn và chuyển giao công nghệ của nhà trường đã có xu hướng tăng. Tốc độ tăng nguồn thu được xác định như sau:

$$(K_2 - K_1)/K_1 > 0$$

$K_2 = K_1$: Trường hợp này có nghĩa nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, dịch vụ tư vấn và chuyển giao công nghệ của nhà trường năm sau so với năm trước không có gì thay đổi, và như thế nói về mặt tài chính thì hoạt động nghiên cứu khoa học, dịch vụ tư vấn và chuyển giao công nghệ của nhà trường chưa có tiến bộ nào. Tốc độ tăng nguồn thu được xác định như sau:

$$(K_2 - K_1)/K_1 = 0$$

$K_2 < K_1$: Trường hợp này có nghĩa nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, dịch vụ tư vấn và chuyển giao công nghệ của nhà trường đã sụt giảm. Tốc độ tăng nguồn thu được xác định như sau:

$$(K_2 - K_1)/K_1 < 0$$

Khi đánh giá nguồn thu này cần đánh giá tổng quát nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, dịch vụ tư vấn và chuyển giao công nghệ, sau đó tách ra nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động NCKH và nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn và chuyển giao công nghệ. Việc tách ra hai loại nguồn thu này trong nguồn thu từ hoạt động NCKH, dịch vụ tư vấn và chuyển giao công nghệ là để phân biệt rõ giữa nguồn thu có tính bao cấp và nguồn thu có tính thị trường, dựa trên tỉ lệ của hai loại nguồn thu này để biết được nhà trường đáp ứng nhu cầu của xã hội đến đâu và mức độ thị trường hóa hoạt động của nhà trường như thế nào.

Giả sử K^1 là nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động NCKH trong năm n_1 , K^2 là nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn và chuyển giao công nghệ trong năm n_1 thì khi phân tích có thể xảy ra các trường hợp sau:

Trường hợp $K^1/K^2 > 1$: Trường hợp này có nghĩa hoạt động KHCN thiên về hướng bao cấp;

Trường hợp $K^1/K^2 < 1$: Trường hợp này có nghĩa hoạt động NCKH thiên về hướng thị trường.



5. Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh (SXKD)

Hoạt động dịch vụ và sản xuất kinh doanh đang được mở rộng ở nhiều trường đại học. Hoạt động dịch vụ, SXKD diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm tận dụng cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, GV, thương hiệu của nhà trường, thông qua đó để có các nguồn thu bổ sung, góp phần nâng cao thu nhập cho cán bộ, GV và tăng cường cơ sở vật chất. Có thể liệt kê các hình thức hoạt động dịch vụ, SXKD như sau:

Sản xuất các sản phẩm hàng hóa thuộc lĩnh vực chuyên môn của nhà trường.

Tổ chức các dịch vụ như nhà ăn, căng tin, trông coi xe, photô copy, bán văn phòng phẩm.

Tổ chức hoặc cho thuê cơ sở vật chất mở các lớp ngoại ngữ, tin học, dạy nghề ... ngoài giờ.

Để đánh giá hiệu quả của hoạt động dịch vụ, SXKD chúng ta cần tiến hành theo 3 cách tiếp cận phân tích sau đây:

1) *Xác định tỉ lệ đóng góp*: Tỉ lệ đóng góp là 1 tiêu chí để biết hoạt động này có mang lại hiệu quả và ở mức độ nào trong tổng nguồn thu của nhà trường.

2) *Xu hướng gia tăng nguồn thu*: Khi phân tích chỉ tiêu này, ngoài việc xem tỉ lệ đóng góp trong 1 năm, cũng cần xem xét động thái phát triển theo thời gian của chỉ tiêu này, để qua đó biết được tỉ lệ đóng góp của hoạt động dịch vụ, SXKD có xu hướng tăng hay giảm.

3) So sánh với các trường khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Công Giáp, *Bàn về phạm trù chất lượng và hiệu quả giáo dục*. Tạp chí Phát triển giáo dục, 1997.
2. Nguyễn Công Giáp, *Đóng góp của giáo dục và đào tạo trong tăng trưởng kinh tế*. Tạp chí Giáo dục, 2003.
3. World Bank, *China – Management and Finance of Higher Education*. Washington DC, 1986.
4. World Bank, *Internal Efficiency of Higher Education in Viet Nam*. Washington DC, 1996.
5. M. Woodhall, *Cost Analysis in Education*.

SUMMARY

The article presents some analytical approaches to the efficiency of a higher education institution based on revenue indicators. These revenues include: state budget allocation, revenues from tuition and fees; research, consultancy, technology transfer and services and manufacturing.

MỘT SỐ KHOẢNG CÁCH...

(Tiếp theo trang 13)

vì chúng ta vẫn sử dụng tư duy cũ để hoạch định đổi mới. Thậm chí câu hỏi chưa được trả lời là, nếu phải cải cách GD thì cải cách cái gì đây: nội dung chương trình, phương pháp GD, cơ cấu hệ thống hay quản lí? Những nhà giáo chúng ta sẽ làm gì ngoài những công việc thường ngày? Phải chăng cần đổi mới ngay cả tư duy của xã hội. Thời chiến tranh, thanh, thiếu niên Việt Nam ra trận với khí thế "xẻ dọc Trường Sơn" mà "lòng phơi phới" với câu hát "còn gì vui hơn đường ra trận mùa xuân", thì nay làm sao cho việc học trở thành hứng thú của thế hệ trẻ và các cháu muốn học là được học, không ép buộc, càng không hạn chế và ngăn cản. Lúc đó GD Việt Nam cũng sẽ đạt được những thành quả như trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đới Hiểu Hà, Mạc Gia Hào, Tạ An Bang (chủ biên), *Thị trường hoá giáo dục bậc cao*, NXB Đại học Bắc Kinh (2004).
2. Johnstone, D. B., Arora, A. and Experton, W. *The Financing and Management of Higher Education: A Status Report on Worldwide Reforms*. Washington, D.C.: World Bank, Departmental Working Paper, 1998.
3. *International Networking : Education, Training and Change Conference*. Perth 20-30 September, 1994.
4. Le Grand, J. & Bartlett, W. *Quasi-Markets and Social Policy*, Basingstoke: Macmillan, 1993.
5. Whitty, G. *Quasi-Markets in Education*. In Apple, M. Ed. *Review of Research in Education*. Washington, D.C.: The American Education Research Association 3-47, 1997.
6. Stiglitz J.E, *Kinh tế học công cộng*, NXB Khoa học kĩ thuật, Hà Nội, 1995.

SUMMARY

For a careful, considerate, objective, scientific view covering both time and space and for rational development policies in education the author proposes 7 gaps between policy thinking and education development practice as a small contribution for the education policy makers and researchers.